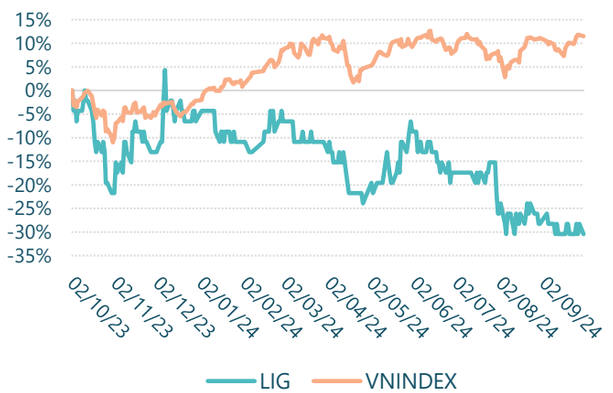
CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	3,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.0%	**-15.8%**	**-22.0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,200 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	302
Số lượng CPLH (CP)	94,220,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	412,760
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.93
EPS	2
P/E	1376.3

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

701

tỷ VNĐ

QoQ: ▼333 | -32.2%

YoY: ▼238 | -25.3%

Nợ/VCSH

Q3/24

406%

YoY: +/-▼ 9.3%

LN gộp

Q3/24

30.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00 | 6.9%

YoY: ▲ 74.1 | 169%

ROE (TTM)

Q3/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.4%

LN trước thuế

Q3/24

1.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.83 | 224%

YoY: ▼7.34 | -86.0%

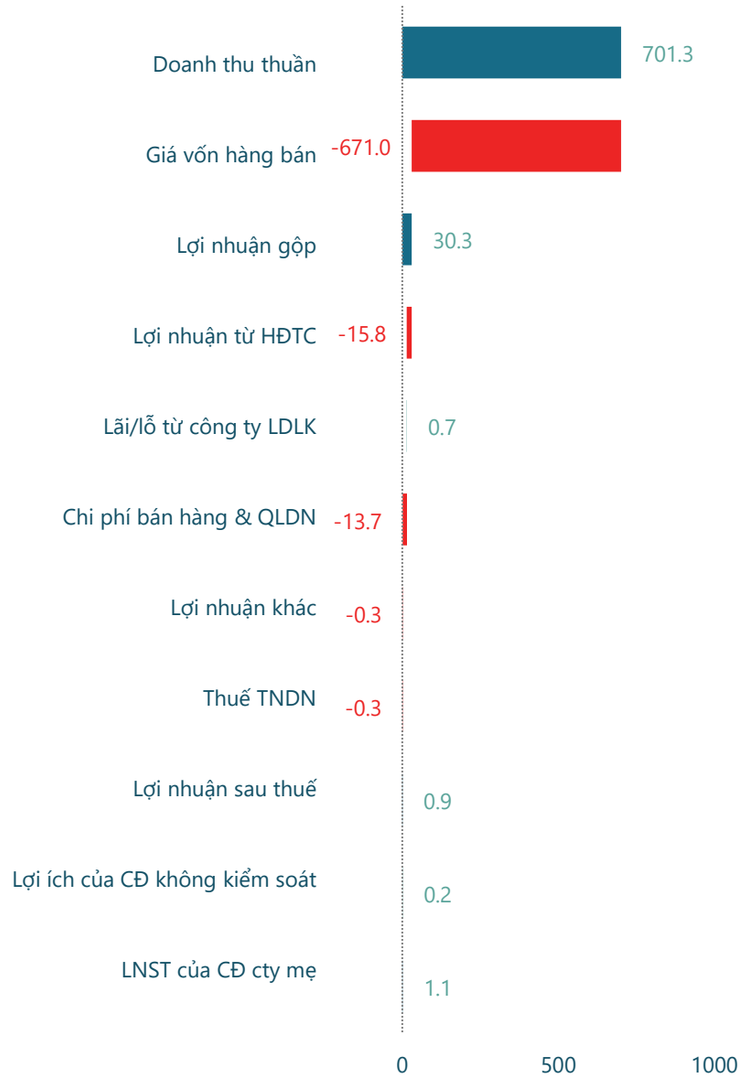
ROA (TTM)

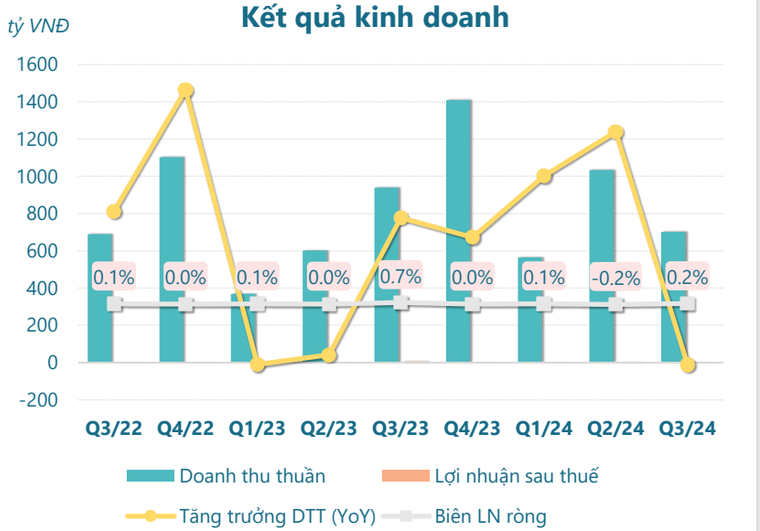
Q3/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.1%

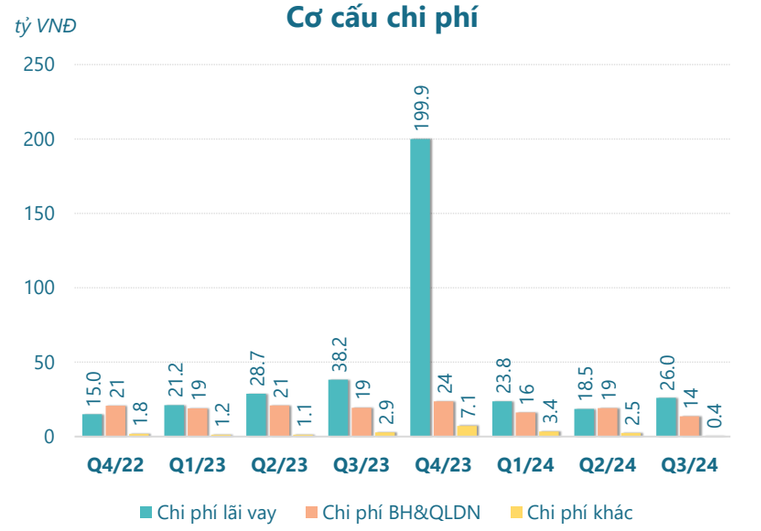
Kết quả kinh doanh Q3/24





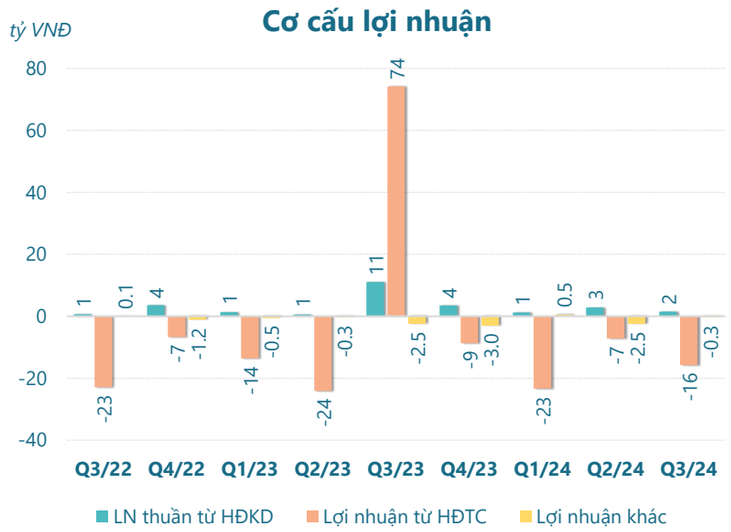
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.52 tỷ đồng**, giảm đi 46.5% so với kỳ trước và thấp hơn 86.2% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 15.77 tỷ đồng** giảm đi 8.57 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 121% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.32 tỷ đồng** tăng thêm 2.15 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 2.18 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **LIG** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **701.3 tỷ đồng** giảm đi **25.3%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.90 tỷ đồng**, **giảm sút 86.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,300 tỷ đồng** cao hơn 20.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** thấp hơn 85.7% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **25.98 tỷ đồng** tăng thêm 40.6% so với kỳ trước và thấp hơn 31.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **13.72 tỷ đồng** giảm đi 28.0% so với kỳ trước và thấp hơn 29.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.39 tỷ đồng** giảm đi 84.5% so với kỳ trước và thấp hơn 86.5% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**701**	**1,034**	**-32.2%**	**939**	**-25.3%**	**2,300**	**1,908**	**20.5%**
Giá vốn hàng bán	671	1,005	-33.2%	982	-31.7%	2,200	1,872	17.5%
Lợi nhuận gộp	30.3	28.3	6.9%	-43.8	169%	99.4	35.9	177%
Doanh thu HĐTC	10.2	6.94	47.2%	112	-90.9%	17.5	125	-86.0%
Chi phí TC	26.0	14.1	84.3%	38.2	-32.0%	63.9	88.4	-27.7%
Chi phí lãi vay	26.0	18.5	40.5%	38.2	-32.0%	68.2	88.1	-22.5%
LN trong công ty LKLD	**0.75**	**0.75**	**0.0%**	**0.00**		**1.50**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.71	-100%	0.11	1.11	-89.9%
Chi phí QLDN	**13.7**	**19.1**	**-28.2%**	**18.7**	**-26.6%**	**48.8**	**58.3**	**-16.2%**
LN thuần từ HĐKD	1.52	2.84	-46.6%	11.0	-86.2%	5.62	13.0	-56.7%
Lợi nhuận khác	**-0.32**	**-2.47**	**87.1%**	**-2.50**	**87.3%**	**-2.28**	**-3.35**	**32.0%**
LN trước thuế	1.20	0.37	224%	8.54	-86.0%	3.35	9.65	-65.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.90**	**-1.05**	**186%**	**6.44**	**-86.0%**	**1.04**	**7.18**	**-85.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.13**	**-1.70**	**166%**	**6.13**	**-81.6%**	**0.15**	**6.52**	**-97.8%**

